

NGÔN NGỮ HỌC VÀ VIỆT NGỮ HỌC

ĐẶC ĐIỂM NGÔN NGỮ ĐÁNH GIÁ CỦA THỂ LOẠI BÌNH LUẬN TRÊN BÁO IN ĐÀ NẴNG THỂ HIỆN KHÍA CẠNH “THÁI ĐỘ”

NGUYỄN KIM CƯỜNG* - LÊ THỊ LÀI**

TÓM TẮT: Với hướng tiếp cận nghiên cứu dựa trên lý thuyết đánh giá (Appraisal theory), bài báo sử dụng phương pháp thống kê, phân loại và phân tích ngôn ngữ đánh giá dựa trên bộ công cụ đánh giá: *thái độ*. Kết quả cho thấy giá trị của ngôn ngữ đánh giá được thể hiện qua các đơn vị đánh giá ngôn ngữ như: *từ*; *cụm từ*; *cấu trúc ngữ pháp*; *câu và đoạn văn*. Qua nghiên cứu, chúng tôi thấy được đặc điểm của ngôn ngữ báo chí của thể loại bình luận trên báo in Đà Nẵng: sự trang trọng, chuẩn mực song cũng thể hiện rõ sự đồng cảm và thái độ tình cảm tích cực và tiêu cực với những vấn đề của Thành phố Đà Nẵng, con người và các vấn đề xã hội của địa phương.

TỪ KHÓA: Ngôn ngữ học; ngôn ngữ đánh giá; giá trị đánh giá; đánh giá thái độ; bình luận báo chí.

NHẬN BÀI: 20/04/2026.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 12/09/2026

1. Đặt vấn đề

Nghiên cứu về ngôn ngữ học chức năng hệ thống là một hướng nghiên cứu được nhiều người quan tâm, khởi đầu cho việc chuyển đổi đối tượng nghiên cứu từ bản thân hệ thống ngôn ngữ sang việc sử dụng ngôn ngữ vì bên cạnh những đặc điểm về tâm lý ngôn ngữ học thì ngôn ngữ còn là một thực thể chịu tác động của rất nhiều nhân tố trong môi trường xã hội hay các đặc trưng xã hội và chủng tộc.

Lý thuyết đánh giá (Appraisal theory) là một hướng tiếp cận để miêu tả và giải thích cách thức mà ngôn ngữ được sử dụng trong đánh giá, xác lập các ngữ vực. Martin và White (2005) và các nhà ngôn ngữ học chức năng hệ thống khác đã phát triển bộ công cụ đánh giá (Appraisal framework). Bộ công cụ đánh giá là phần cốt lõi của lý thuyết về ngôn ngữ đánh giá (NNĐG) của Halliday, M.A.K và các cộng sự của ông trong lĩnh vực nghiên cứu ngữ pháp chức năng hệ thống (NPCNHT). Lý thuyết đánh giá này đã thổi một luồng gió mới vào trong nghiên cứu ngôn ngữ học góp phần chứng minh ngôn ngữ là một thực thể xã hội. Lý thuyết này dựa trên bộ công cụ đánh giá: *thái độ*, *thang độ* và *giọng điệu*.

Trong những năm gần đây, hướng nghiên cứu ngôn ngữ đánh giá theo cách tiếp cận NPCNHT đã có nhiều công trình nghiên cứu khẳng định được vai trò, vị trí của lý thuyết NPCNHT trong việc phân tích đặc điểm ngôn ngữ, nhấn mạnh tính ưu việt của lý thuyết này với những phương diện khác nhau của cơ cấu ngữ pháp đã giúp chúng ta càng ngày tiến gần đến một đối tượng nghiên cứu mới và phức tạp, đó là ngôn ngữ và người sử dụng nó. Theo các tài liệu hiện hành, công trình nghiên cứu về thể loại và NNĐG ở Việt Nam bằng tiếng Việt vẫn chưa nhiều, có một số công trình nghiên cứu về NNĐG trong lĩnh vực như: văn học, ngôn ngữ, báo chí,... Có thể thấy một số công trình nghiên cứu khẳng định được vai trò, vị trí của lý thuyết NPCNHT trong việc phân tích đặc điểm ngôn ngữ của thể loại báo chí; cấu trúc ngữ nghĩa; cấu trúc đề-thuyết;... Tuy nhiên, theo những tài liệu được công bố thì vẫn còn khoảng trống trong những công trình nghiên cứu chuyên sâu về ngôn ngữ đánh giá trong

*Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông Việt - Hàn, Đại học Đà Nẵng;

Email: nkcuong@vku.udn.vn

**Trường Y Dược, Đại học Đà Nẵng; Email: ltlai@smp.udn.vn

thể loại bình luận báo chí báo viết tiếng Việt. Do đó, chúng tôi nghiên cứu vấn đề: *Đặc điểm ngôn ngữ đánh giá của thể loại bình luận trên báo in Đà Nẵng thể hiện khía cạnh “thái độ”* để làm sáng tỏ vai trò của ngôn ngữ đánh giá và giá trị biểu đạt của của các đơn vị ngôn ngữ.

Báo in Đà Nẵng là cơ quan ngôn luận của Thành ủy và Hội đồng Nhân dân Thành phố Đà Nẵng, có nhiệm vụ tuyên truyền đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, các chủ trương, chính sách, Nghị quyết của Thành ủy, phản ánh tâm tư, nguyện vọng của nhân dân, làm cầu nối giữa Đảng bộ, chính quyền và nhân dân.

Do vậy, việc nghiên cứu ngôn ngữ bình luận trên báo in Đà Nẵng không chỉ giúp hiểu rõ hơn về đặc điểm văn bản báo chí Đà Nẵng mà còn góp phần làm sáng tỏ cách thức vận dụng ngôn ngữ đánh giá để định hình phong cách ngôn ngữ và ảnh hưởng đến người đọc trong bối cảnh truyền thông hiện đại.

2. Cơ sở lý luận, phương pháp và ngữ liệu nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý luận

Ngôn ngữ đánh giá là một lĩnh vực nghiên cứu quan trọng trong ngôn ngữ học hiện đại, đặc biệt trong các ngành ngôn ngữ học chức năng, ngôn ngữ học xã hội và phân tích diễn ngôn. Ngôn ngữ đánh giá liên quan đến việc sử dụng ngôn ngữ để thể hiện thái độ; ý kiến; cảm xúc; quan điểm; giá trị của người nói hoặc người viết đối với sự vật, hiện tượng, con người, hoặc các sự kiện xã hội. Trong nghiên cứu ngôn ngữ học, khái niệm ngôn ngữ đánh giá được phát triển từ lý thuyết ngữ pháp chức năng hệ thống do Michael Halliday khởi xướng. Đặc biệt hệ thống ngôn ngữ đánh giá được James Martin và Petre White phát triển dựa trên mô hình ngôn ngữ chức năng hệ thống theo mô hình tổng hợp, gọi là khung đánh giá, nhằm phân tích, giải thích cách thức ngôn ngữ biểu đạt các khía cạnh đánh giá như: *Thái độ; Giọng điệu và Thang độ*.

Hệ thống ngôn ngữ đánh giá bao gồm ba thành phần chính: *Thái độ (attitude); Giọng điệu (engagement) và Thang độ (graduation)*:

a. *Hệ thống thái độ*: Thái độ (Attitude) là người nói/ người viết biểu thị cảm xúc, phán xét và đánh giá thẩm mỹ đối với các sự vật, sự việc, hiện tượng, con người hoặc sự kiện xã hội. Trong hệ thống thái độ phân ra 03 phân hệ: *Biểu cảm (Affect), Phán xét (Judgement), Đánh giá thẩm mỹ (Appreciation)*.

- *Biểu cảm*: là sự biểu lộ cảm xúc cá nhân như: vui, buồn, tức giận, lo sợ,... đối với những hành động đang diễn ra hoặc những thực thể xung quanh. Tiêu chí phân biệt biểu cảm thể hiện tích cực và tiêu cực.

- *Phán xét*: là sự đánh giá con người/ hành vi theo chuẩn mực đạo đức xã hội. Trong phân hệ phán xét có hai nội dung: Phán xét năng lực, bình thường, thái độ: Chăm chỉ, tài giỏi, thô lỗ, lịch sự,...; Phán xét đạo đức: trung thực, phản bội, đáng tin, ngờ vực,...

- *Đánh giá thẩm mỹ*: Liên quan đến việc đánh giá các hiện tượng, vật thể, sự kiện hoặc các sản phẩm nghệ thuật về mặt thẩm mỹ, giá trị hoặc tính chất. Tiêu chí của sự đánh giá thẩm mỹ thể hiện các nội dung: Phẩm chất thẩm mỹ: là đẹp, sáng tạo; Tác động/ hiệu quả: hiệu quả hay không hiệu quả; Tính phức tạp/ đơn giản: phức tạp, dễ hiểu.

b. *Hệ thống giọng điệu*: Giọng điệu (Engagement) là cách người nói/ người viết sử dụng ngôn ngữ tương tác với quan điểm của người khác để đưa ra quan điểm khẳng định hay phủ định một đánh giá. Tiêu chí của hệ thống giọng điệu: Khẳng định hay phủ định của một đánh giá.

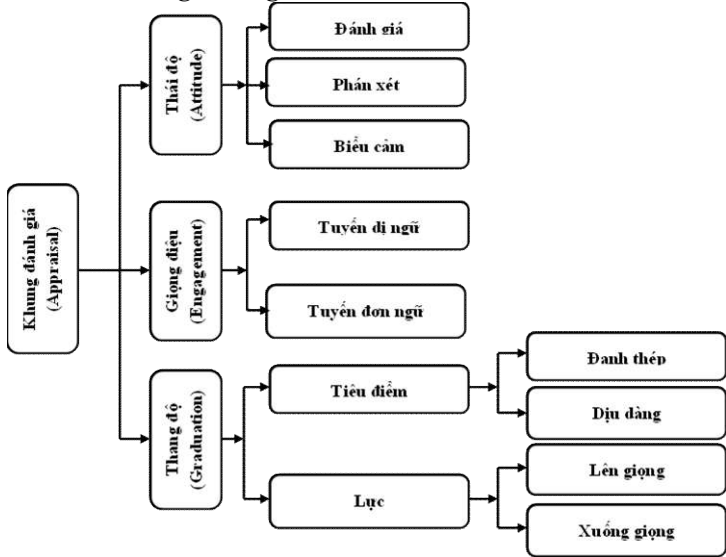
Hệ thống giọng điệu giúp xác định người viết giữ được vai trò độc thoại hay đối thoại để từ đó ảnh hưởng đến mức độ thuyết phục.

c. *Hệ thống thang độ*: Thang độ (Graduation) là cách người nói/ người viết sử dụng ngôn ngữ biểu thị mức độ tăng giảm hoặc làm dịu bớt giá trị đánh giá. Tiêu chí của hệ thống thang độ thể hiện ở: tiêu điểm (focus) và lực (force).

- *Tiêu điểm (focus)*: Là ranh giới phân loại (chính xác hay mơ hồ); trong tiêu điểm là sự thể hiện của thang độ đánh thếp hay dịu dàng.

- Lực (force): Là sự điều chỉnh mức độ, cường độ tăng giảm. Lực là sự thể hiện của thang độ lên giọng hay xuống giọng.

Sơ đồ: Khung đánh giá của James Martin và Petre White



Hệ thống đánh giá thang độ làm cho các đánh giá trở lên linh hoạt, sắc thái và biểu cảm hơn.

2.2. Phương pháp và ngữ liệu nghiên cứu

Việc nghiên cứu vấn đề: *Đặc điểm ngôn ngữ đánh giá của thể loại bình luận trên báo in Đà Nẵng thể hiện khía cạnh “thái độ”* chúng tôi sử dụng các phương pháp nghiên cứu, cụ thể: Phương pháp khảo sát, phân tích, tổng hợp; Phương pháp so sánh; Phương pháp đối chiếu; Phương pháp miêu tả, liệt kê,...

Để thực hiện cho việc nghiên cứu vấn đề trên chúng tôi thực hiện khảo sát và phân tích 130 bài bình luận trên báo in Đà Nẵng năm 2024. Qua đó tập trung phân tích việc sử dụng 2.869 đơn vị ngôn ngữ như: *từ, cụm từ, cấu trúc ngữ pháp, câu và đoạn văn* trong các bài bình luận để làm rõ mức độ đánh giá ngôn ngữ khía cạnh “*thái độ*” trong hệ thống đánh giá ngôn ngữ.

3. Nội dung kết quả nghiên cứu

3.1. Thống kê, phân loại nguồn lực đánh giá ngôn ngữ hệ thống thái độ

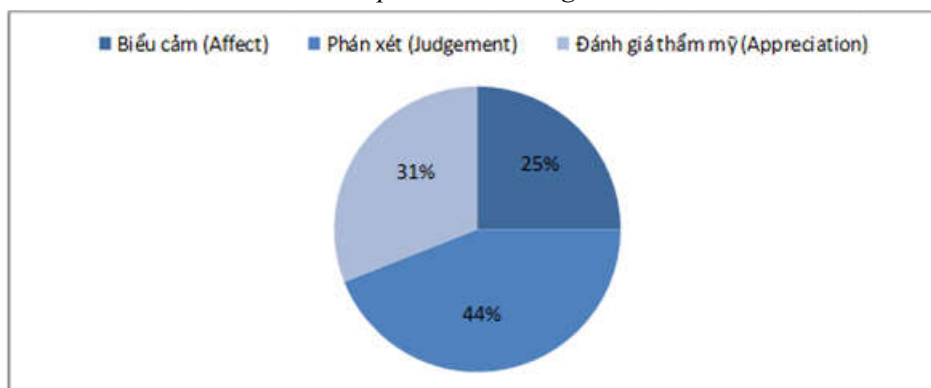
Căn cứ tư liệu 130 bài bình luận trên báo in Đà Nẵng năm 2024, chúng tôi đã tiến hành khảo sát với 2.869 đơn vị ngôn ngữ kết quả tổng hợp phân loại nguồn lực ngôn ngữ đánh giá hệ thống thái độ theo 05 cấp độ của ngôn ngữ: *từ, cụm từ, cấu trúc ngữ pháp, câu và đoạn văn*, cụ thể:

Bảng 1. Hệ thống đánh giá khía cạnh thái độ qua các tiêu chí cấp độ ngôn ngữ

Hệ thống đánh giá thái độ	Cấp độ ngôn ngữ					Ghi chú
	Từ	Cụm từ	Cấu trúc ngữ pháp	Câu	Đoạn văn	
Biểu cảm (Affect)	425	168	52	74	31	750/ 25%
Phán xét (Judgement)	720	312	85	142	64	1.323/ 44%
Đánh giá thẩm mỹ (Appreciation)	392	205	63	88	48	796/ 31%

Tổng cộng	1537/ 53,5%	685/ 24%	200/ 6,9%	304/ 10,6%	143/ 5%	2.869/ 100%
------------------	----------------	-------------	--------------	---------------	------------	------------------------

Bảng 2. Sơ đồ hệ thống đánh giá ngôn ngữ khía cạnh thái độ qua các tiêu chí:
Biểu cảm; phán xét; đánh giá thẩm mỹ



Qua bảng tổng hợp có thể thấy các nguồn lực tham gia đánh giá hệ thống thái độ được thể hiện ở 05 cấp độ ngôn ngữ, trong hệ thống thái độ các mức độ có sự khác nhau cụ thể:

Phán xét: Chiếm tỉ lệ cao nhất 44% trong hệ thống đánh giá ngôn ngữ, phản ánh định hướng giá trị, đạo đức và thể hiện đặc trưng của thể loại Bình luận báo chí.

Biểu cảm: Chiếm tỉ lệ 25% trong hệ thống đánh giá ngôn ngữ qua đó thể hiện được phong cách ngôn ngữ giàu cảm xúc của người viết.

Đánh giá thẩm mỹ: Chiếm tỉ lệ 31% trong hệ thống đánh giá ngôn ngữ thể hiện được lập trường, quan điểm của người viết.

Bảng 3. Sơ đồ đánh giá khía cạnh thái độ qua các cấp độ ngôn ngữ tham gia đánh giá



Từ biểu đồ có thể thấy các nguồn lực tham gia đánh giá hệ thống thái độ được thể hiện ở 05 cấp độ ngôn ngữ có sự khác nhau, cụ thể:

Cấp độ “từ vựng” chiếm tỉ lệ cao nhất: 1.537/2.869 chiếm 53,5% đơn vị tham gia đánh giá ngôn ngữ;

Cấp độ “cụm từ” đứng thứ hai: 685/2.869 chiếm 24% đơn vị tham gia đánh giá ngôn ngữ;

Cấp độ “câu” đứng vị trí thứ ba: 304/2.869 chiếm 10,6% đơn vị tham gia đánh giá ngôn ngữ;

Cấp độ “cấu trúc ngữ pháp” đứng vị trí thứ tư: 200/2.869 chiếm 6,9% đơn vị tham gia đánh giá ngôn ngữ;

Cấp độ “đoạn văn” tham gia ít nhất: 143/2.869 chiếm 5% đơn vị tham gia đánh giá ngôn ngữ.

3.2. Phân tích ngôn ngữ đánh giá hệ thống thái độ của thể loại bình luận trên báo in Đà Nẵng

Theo khung lý thuyết đánh giá của Martin và White, 2005 hệ thống “thái độ” (Attitude) là người nói/ người viết biểu thị cảm xúc, phán xét và đánh giá thẩm mỹ đối với các sự vật, sự việc, hiện tượng, con người hoặc sự kiện xã hội. Chính vì vậy, nghiên cứu hệ thống thái độ có vai trò quan trọng trong thể loại bình luận báo in Đà Nẵng ở các phương diện: Thể hiện lập trường người viết; tăng tính thuyết phục của lập luận; định hướng nhận thức và dư luận xã hội; và phản ánh đặc trưng ngôn ngữ báo chí Đà Nẵng.

Trong hệ thống “thái độ” phân ra 03 tiểu phân hệ: *Biểu cảm (Affect)*; *Phán xét (Judgement)*; *Đánh giá thẩm mỹ (Appreciation)*.

a. Ngôn ngữ đánh giá thái độ thể hiện tiểu phân hệ “biểu cảm”

Trong lý thuyết đánh giá (Appraisal Theory), tiểu phân hệ *Biểu cảm (Affect)* thể hiện những trạng thái, tình cảm của con người (người viết hay chủ thể bình luận) trước một vấn đề, sự vật, hiện tượng,... Ngôn ngữ tiểu hệ thống biểu cảm cho phép người viết biểu lộ niềm vui sướng, tự hào, cảm động, biết ơn, hi vọng,... hoặc cũng là sự thể hiện sự bất bình, lo lắng, phẫn nộ, thất vọng,...

Trong việc khảo sát 130 bài bình luận trên báo in Đà Nẵng nguồn lực ngôn ngữ đánh giá hệ thống thái độ theo 05 cấp độ của ngôn ngữ (*từ, cụm từ, cấu trúc ngữ pháp, câu và đoạn văn*), hệ thống đánh giá thái độ ở tiểu cấp độ “biểu cảm” chiếm 25% đơn vị ngôn ngữ. Trong đó biểu cảm thể hiện thái độ cảm xúc tích cực, chiếm 70% tích cực và thể hiện cảm xúc tiêu cực 30%.

Cấp độ “từ vựng” có 425 đơn vị chiếm 27% đơn vị từ vựng, đây là cấp độ được sử dụng nhiều nhất do khả năng truyền tải cảm xúc trực tiếp và cô đọng, cụ thể: Tính từ: *vui (những tin hiệu vui); mới (động lực phát triển mới); quan trọng (dự án có tác động quan trọng); ...* các tính từ không chỉ miêu tả đặc điểm sự vật mà còn hàm chứa thái độ đánh giá tích cực của người viết có tác động nhấn mạnh ý nghĩa của sự kiện; Động từ: *đơm hoa (bắt đầu đơm hoa kết trái); kết trái; hưởng lợi (doanh nghiệp được hưởng lợi); ...* mang tính biểu tượng, diễn đạt kết quả tích cực; Danh từ: *Tín hiệu vui (những tin hiệu vui liên tiếp diễn ra); động lực (động lực phát triển mới); ...* vừa gọi tên sự vật vừa thể hiện thái độ cảm xúc tích cực; Trạng từ: *Chính thức (...vướng mắc chính thức được tháo gỡ); liên tiếp (những tin hiệu vui liên tiếp diễn ra); sớm (sớm đưa nguồn đầu tư công vào phát huy giá trị); ...* Góp phần nhấn mạnh mức độ hoặc thời điểm của sự kiện, làm tăng sắc thái lạc quan và kì vọng.

Cấp độ “cụm từ” có 168 đơn vị chiếm 25% đơn vị cụm từ. Cụm từ cho phép mở rộng và cụ thể hóa nội dung cảm xúc, cụ thể có các cụm danh từ, cụm động từ, cụm tính từ: Cụm danh từ: *Bao niềm tin; khát vọng phát triển; niềm tin vào sự bình yên và đoàn kết; sức mạnh của sự đồng thuận, ...* Thể hiện những giá trị tinh thần mang tính công đồng, góp phần gọi gọi sự đồng cảm của người đọc; Cụm động từ: *Lòng nôn nao; khơi gợi kỉ ức; tiếp tục lan tỏa; thêm niềm tin; ...* Biểu hiện quá trình hình thành lan truyền cảm xúc tích cực; Cụm tính từ: *đầy cảm hứng và mạnh mẽ; hiền lành, thân thiện và hòa nhã; ...* Không chỉ miêu tả đối tượng mà còn tạo dựng hình ảnh giàu thiện cảm, góp phần định hướng cách nhìn nhận của công chúng.

Cấp độ “cấu trúc ngữ pháp” có 52 đơn vị chiếm 26% đơn vị tham gia đánh giá cấp độ cấu trúc ngữ pháp, những cấu trúc như so sánh, ẩn dụ và hoán dụ được sử dụng nhằm gia tăng giá trị biểu cảm: Cấu trúc ẩn dụ, so sánh: *“lời thể còn vang vọng; bốn chữ vàng; lấy chỉ công làm trọng”; ...* Không chỉ truyền đạt nội dung thông tin mà còn khơi gợi cảm xúc tự hào, kính trọng và niềm tin. Cấu trúc hoán dụ: *“Ý Đảng, lòng dân; của công; thần linh đã tử”, ...* là sự cô đọng những giá trị chính trị, văn hóa, đạo đức, qua đó giúp tăng sức thuyết phục và tác động cảm xúc đối với người đọc.

Cấp độ “câu” có 74 đơn vị chiếm 24% đơn vị câu (câu khẳng định; câu nghi vấn; câu cầu khiến; cảm cảm thán). Trong hệ thống đánh giá hệ thống thái độ thể hiện tiểu phân hệ biểu cảm chủ yếu câu khẳng định. Điều này phù hợp với đặc trưng của thể loại bình luận báo chí, khi người viết đưa ra nhận định và khẳng định quan điểm một cách rõ ràng, dứt khoát. *“Dự án Công viên phần mềm số 2*

khi đi vào hoạt động sẽ tạo không gian, động lực phát triển mới”; “Các nghi thức lễ được tiến hành trang trọng”... vừa truyền đạt thông tin vừa thể hiện sự tin tưởng, kì vọng và đánh giá tích cực. Bên cạnh đó, các câu nghi vấn, câu cầu khiến, câu cảm thán xuất hiện với tần suất thấp hơn nhưng cũng góp phần tăng tính đối thoại và sức biểu cảm cho văn bản.

Cấp độ “đoạn văn” có 31 đơn vị chiếm 22% đơn vị đoạn văn, *cụ thể*: Đoạn miêu tả: “đất trời như đang vào xuân, lòng nôn nao... bao niềm tin, kì vọng”; tạo không khí lạc quan phấn khởi. Đoạn trần thuật: “mọi người dường như được tìm về cội nguồn lịch sử văn hóa... khơi gợi kỉ ức,...”. Khơi gợi niềm tự hào và ý thức giữ gìn bản sắc dân tộc. Đoạn thể hiện thái độ nhất quán: “Rồng thời Lý mang đến niềm tin vào sự bình yên và đoàn kết”;... giúp củng cố thông điệp của bài bình luận, đồng thời định hướng cảm xúc, nhận thức của người đọc theo chiều hướng tích cực.

Có thể thấy, tiểu phân hệ biểu cảm trong hệ thống đánh giá thái độ được khai thác khá đa dạng và phong phú trên cả năm cấp độ ngôn ngữ, trong đó: cấp độ từ vựng và cụm từ được sử dụng nhiều nhất nhờ khả năng biểu đạt cảm xúc trực tiếp, cấp độ câu và đoạn văn phát huy vai trò tổ chức, duy trì và lan tỏa trường cảm xúc trong toàn văn bản. Sự áp đảo tiểu phân hệ biểu cảm cho thấy các bài bình luận trên báo in Đà Nẵng không chỉ thực hiện chức năng đăng thông tin và đánh giá mà còn hướng đến mục đích tuyên truyền, tạo sự đồng thuận xã hội, củng cố niềm tin của công chúng đối với các chủ trương, chính sách và sự phát triển của thành phố.

b. Ngôn ngữ đánh giá thái độ thể hiện tiểu phân hệ “phán xét”

Trong lí thuyết đánh giá (Appraisal Theory), tiểu phân hệ *Phán xét* (Judgement) là sự đánh giá con người/ hành vi theo chuẩn mực đạo đức xã hội. Trong phân hệ phán xét có hai nội dung: *Phán xét năng lực*, *bình thường*, *thái độ*: Chăm chỉ, tài giỏi, thô lỗ, lịch sự,...; *Phán xét đạo đức*: trung thực, phản bội, đáng tin, ngờ vực,... Thông qua tiểu phân hệ đánh giá này, người viết không chỉ bộc lộ quan điểm mà còn góp phần thiết lập những chuẩn mực đạo đức xã hội, khuyến khích những hành vi tích cực và phê phán những hành vi chưa phù hợp.

Kết quả khảo sát 130 bài bình luận trên báo in Đà Nẵng nguồn lực ngôn ngữ đánh giá hệ thống thái độ tiểu phân hệ “phán xét” theo 05 cấp độ của ngôn ngữ (*từ*, *cụm từ*, *cấu trúc ngữ pháp*, *câu* và *đoạn văn*) chiếm, 44% tổng số đơn vị ngôn ngữ tham gia đánh giá chiếm tỉ lệ cao nhất trong ba tiểu phân hệ của hệ thống thái độ. Điều này phản ánh đặc trưng nổi bật của thể loại bình luận trên báo chí chính thống: không chỉ cung cấp thông tin và phân tích sự kiện mà còn đánh giá vai trò của các chủ thể xã hội, định hướng nhận thức và hành động của công chúng.

Trong tiểu phân hệ “phán xét” đánh giá về năng lực 45%; đánh giá về đạo đức 35%; đánh giá tính bình thường 20%. Tỉ lệ này cho thấy các bài bình luận trên báo in Đà Nẵng ưu tiên đánh giá về năng lực thực hiện nhiệm vụ, hiệu quả công việc và khả năng cống hiến của cá nhân, tổ chức hơn là tập trung vào những phẩm chất mang tính chất cá nhân. Điều này phù hợp với chức năng tuyên truyền, cổ vũ các phong trào thi đua và biểu dương những tập thể, cá nhân tiêu biểu trong quá trình phát triển của thành phố.

Cấp độ “từ vựng” có 720 đơn vị chiếm 46% đơn vị từ vựng. (Danh từ, động từ, tính từ, trạng từ): Đây là cấp độ được sử dụng nhiều nhất vì từ vựng cho chức năng đánh giá trực tiếp và rõ ràng. Các tính từ: *Lặng lẽ*; *đông đảo*; *mạnh mẽ*; *hiền lành*; *thân thiện*; *hòa nhã*; *bất khuất*;... Thể hiện những phẩm chất tích cực góp phần xây dựng hình ảnh thành phố.

Cấp độ “cụm từ” (Cụm danh từ, cụm động từ, cụm tính từ) có 312 đơn vị cụm từ chiếm 45% các cụm từ cho phép mở rộng phạm vi nội dung và cụ thể hóa đối tượng được phán xét, các cụm từ: “*những người lặng lẽ ở phía sau vẻ đẹp lung linh của đường hoa*”; “*tinh thần bất khuất của đất nước*”; “*thu hút, quy tụ được sự tham gia*”; “*đầy cảm hứng và mạnh mẽ*”;...

Cấp độ “cấu trúc ngữ pháp” có 85 đơn vị cấu trúc ngữ pháp chiếm 42%. Những cấu trúc so sánh, nguyên nhân-kết quả; các biện pháp tu từ được sử dụng để tăng sức thuyết phục cho nhận định, *cụ thể*: “*Giống như một con rồng hiền lành, thân thiện và hòa nhã*”; “*Bước phát triển của Đà Nẵng trong hơn hai thập niên qua, khởi nguồn từ được lòng dân, từ sức mạnh của sự đồng thuận*”;... Đây là hình thức phán xét gián tiếp nhưng có sức thuyết phục cao vì dựa trên lập luận logic.

Cấp độ “câu” có 142 đơn vị chiếm 47% đơn vị câu: chủ yếu câu khẳng định được sử dụng khá nhiều: *“Hình ảnh các con Rồng thời Lý luôn đầy cảm ứng và mạnh mẽ, được mô phỏng giống như một con rồng hiền lành, thân thiện và hòa nhã”*; *“Bước phát triển của Đà Nẵng trong hơn hai thập niên qua, khởi nguồn từ được lòng dân, từ sức mạnh của sự đồng thuận”*, ...

Cấp độ đoạn văn có 64 đơn vị chiếm 45% đơn vị đoạn văn. Nguồn lực phán xét ở cấp độ này được hình thành từ sự kết hợp nhiều đơn vị ngôn ngữ nhằm xây dựng một trường nghĩa đánh giá thống nhất: *“Giữa khung cảnh đường hoa với những linh vật Rồng, câu chuyện cùng những người lặng lẽ ở phía sau vẻ đẹp lung linh của đường hoa cứ thế tiếp nối từ công tác tổ chức thi chọn ý tưởng, chuẩn bị, thi công đường hoa...”*. Đoạn văn này không chỉ kể lại quá trình chuẩn bị, thi công mà còn tôn vinh sự tận tụy, trách nhiệm và tinh thần công hiến của những người lao động thầm lặng. Cách tổ chức đoạn văn theo trình tự kể-miêu tả-đánh giá giúp người đọc không chỉ tiếp nhận thông tin mà còn hình thành thái độ trân trọng đối với đối tượng được phản ánh. Đây là đặc điểm nổi bật của diễn ngôn bình luận báo chí khi chức năng đánh giá được triển khai xuyên suốt trong toàn bộ đoạn văn chứ không chỉ tập trung ở một vài từ ngữ riêng lẻ.

Kết quả khảo sát cho thấy ngôn ngữ phán xét trong bình luận báo in Đà Nẵng được sử dụng với tần suất cao và có cấu trúc tương đối ổn định ở cả năm cấp độ ngôn ngữ. Nội dung phán xét chủ yếu hướng đến việc biểu dương năng lực tinh thần trách nhiệm, phẩm chất đạo đức và sự cống hiến của các tập thể và cá nhân, đồng thời khẳng định những giá trị như: đoàn kết, đồng thuận, trách nhiệm và lợi ích cộng đồng. Các nhận định tiêu cực xuất hiện ít hơn và thường được diễn đạt gián tiếp, nhằm góp ý, cảnh báo hoặc định hướng điều chỉnh hơn là phê bình gay gắt. Điều này phản ánh rõ đặc trưng của thể loại báo in Đà Nẵng nói riêng và báo chí chính thống nói chung. Ngôn ngữ đánh giá không chỉ thực hiện chức năng đánh giá mà còn góp phần xây dựng hệ giá trị xã hội cùng cố niềm tin của công chúng đối với những chủ trương, chính sách và các mô hình phát triển của thành phố. Chính việc ưu tiên các phán xét tích cực, kết hợp giữa những lập luận và chuẩn mực đạo đức đã tạo nên phong cách bình luận mang tính xây dựng, định hướng và có sức thuyết phục cao, phù hợp với chức năng chính trị-xã hội của báo chí cách mạng Việt Nam.

c. Ngôn ngữ đánh giá thái độ thể hiện tiểu phân hệ “thẩm mỹ”

Trong lý thuyết đánh giá (Appraisal Theory), tiểu phân hệ *Đánh giá thẩm mỹ (Appreciation)* liên quan đến việc đánh giá các hiện tượng, vật thể, sự kiện hoặc các sản phẩm nghệ thuật về mặt thẩm mỹ, giá trị hoặc tính chất. Tiêu chí của sự đánh giá thẩm mỹ thể hiện các nội dung: Phẩm chất thẩm mỹ: là đẹp, sáng tạo; Tác động/ hiệu quả: hiệu quả hay không hiệu quả; Tính phức tạp/ đơn giản: phức tạp, dễ hiểu. Khác với tiểu hệ thống cảm xúc hướng tới trạng thái tâm lý, phán xét hướng tới con người còn tiểu hệ thống “đánh giá thẩm mỹ” thể hiện quan điểm thẩm mỹ, lí tính và xã hội của người viết đối với mức độ hay, đẹp, hiệu quả, ý nghĩa của một hiện tượng hay những vấn đề xung quanh. Thông qua tiểu hệ thống này, người viết thể hiện quan điểm về cái hay, cái đẹp, tính hiệu quả, giá trị văn hóa, ý nghĩa xã hội cũng như mức độ phức tạp hay đơn giản của hiện tượng.

Kết quả khảo sát của 130 bài bình luận trên báo in Đà Nẵng nguồn lực ngôn ngữ theo năm cấp độ đánh giá thuộc tiểu hệ thống thẩm mỹ chiếm 31% tổng số đơn vị đánh giá hệ thống thái độ. Trong đó đánh giá về tác động/ hiệu quả 50%; đánh giá về phẩm chất thẩm mỹ 30%; đánh giá về tính phức tạp/ đơn giản 20%. Từ kết quả này, phản ánh đặc điểm của thể loại bình luận báo chí, trong đó đánh giá không chỉ dừng lại ở vẻ đẹp hay giá trị bề ngoài sự kiện mà chủ yếu hướng đến ý nghĩa thực tiễn, hiệu quả xã hội và giá trị lâu dài của các chủ trương, chính sách, công trình hay sự kiện văn hóa.

Cấp độ “từ vựng” (Danh từ, động từ, tính từ, trạng từ) xuất hiện 392 đơn vị chiếm 27% đơn vị từ vựng, các từ được sử dụng chủ yếu tính từ, danh từ, động từ mang sắc thái đánh giá tích cực: *“xua; nhân văn; vang vọng; Mỹ; trang nghiêm; trang trọng; thiêng; tốt đẹp; ...”*.

Cấp độ “cụm từ” (Cụm danh từ, cụm động từ, cụm tính từ) có 205 đơn vị chiếm 30% đơn vị cụm từ. Việc kết hợp nhiều thành tố trong cụm từ giúp nội dung đánh giá trở nên cụ thể và giàu sức gợi hơn, cụ thể các cụm từ: *“Một lễ hội xua nhưng đậm chất nhân văn; bốn chữ vàng; “Mĩ tục khả phong”; di sản phi vật thể cấp quốc gia; tu tạo lại ngôi chùa cổ; tốt đẹp từ bao đời; ...”*.

Cấp độ “cấu trúc ngữ pháp” có 63 đơn vị chiếm 32% đơn vị cấu trúc tham gia đánh giá. Các cấu trúc so sánh, ẩn dụ, và những cách tổ chức câu mang tính góp phần làm tăng giá trị biểu đạt: “*Lễ hội Minh thể - một lễ hội xưa nhưng đậm chất nhân văn, hợp với ý Đảng, lòng Dân hôm nay*”; “*lời thể còn vang vọng*”;...

Cấp độ “câu” có 88 đơn vị chiếm 29% đơn vị câu tham gia đánh giá. Chủ yếu ở câu khẳng định: “*Theo các nhà nghiên cứu về lịch sử, Lễ hội Minh thể đề cao giá trị đạo đức, sự chính trực, liêm khiết, chí công vô tư, một truyền thống tốt đẹp từ bao đời của dân tộc ta*”.

Cấp độ “đoạn văn” có 48 đơn vị chiếm 33% đơn vị đoạn văn. Ở cấp độ này, đánh giá thẩm mỹ không còn là những nhận xét riêng lẻ mà trở thành chủ đề xuyên suốt, góp phần tạo nên lập luận chặt chẽ và sức thuyết phục cho toàn văn bản. Đoạn miêu tả: “*Để chuẩn bị cho ngày hội, dân làng dựng một đài thể trạng nghiêm trước cửa chùa Hòa Liễu. Các nghi thức lễ được tiến hành trang trọng*”; “*Lễ hội Minh thể đề cao giá trị đạo đức, sự chính trực, liêm khiết, chí công vô tư, một truyền thống tốt đẹp từ bao đời của dân tộc ta*”. Có sự kết hợp giữa miêu tả, thuyết minh và đánh giá để khẳng định giá trị bền vững của di sản trong đời sống đương đại.

Nhìn chung, tiểu hệ thống đánh giá thẩm mỹ trong bình luận báo in Đà Nẵng được sử dụng với tần suất khá cao được phân bố tương đối đồng đều ở các cấp độ ngôn ngữ. Ngôn ngữ đánh giá thẩm mỹ không chỉ thực hiện chức năng biểu đạt các giá trị mà còn trở thành phương tiện quan trọng giúp thể loại bình luận báo in Đà Nẵng khẳng định ý nghĩa của các hiện tượng xã hội, lan tỏa các giá trị nhân-thiện-mỹ và củng cố niềm tin của người đọc và những thành tựu phát triển của thành phố Đà Nẵng.

4. Kết luận

Qua việc phân tích nguồn lực ngôn ngữ tham gia đánh giá hệ thống thái độ (Attitude), gồm các tiểu phân hệ: Biểu cảm (Affect); Phán xét (Judgement) và Thẩm mỹ (Appreciation) trong các bài bình luận trên báo in Đà Nẵng, có thể rút ra các kết luận sau:

Một là, ngôn ngữ đánh giá thái độ là phương tiện quan trọng thể hiện được lập trường quan điểm của người viết. Trong 130 bài bình luận được khảo sát khảo sát người viết không chỉ cung cấp thông tin mà còn thể hiện cách nhìn nhận, đánh giá đối với các sự kiện, hiện tượng được đề cập qua đó bộc lộ rõ quan điểm ủng hộ sự phát triển của thành phố, đề cao những giá trị văn hóa, đạo đức và tinh thần cộng đồng.

Hai là, việc sử dụng nguồn lực đánh giá theo năm cấp độ ngôn ngữ tham gia đánh giá thái độ góp phần làm tăng tính thuyết phục của lập luận báo chí góp phần định hướng nhận thức và dư luận xã hội. Trong thể loại bình luận báo chí lập luận không chỉ dựa trên sự kiện, số liệu mà còn cần có sự đánh giá nhằm định hướng cách tiếp cận của độc giả, giúp công chúng nhìn nhận các vấn đề xã hội.

Ba là, Sử dụng hệ thống đánh giá thái độ phản ánh đặc trưng của ngôn ngữ báo chí Đà Nẵng. Ngôn ngữ bình luận báo chí Đà Nẵng nói chung báo in nói riêng thể hiện sự kết hợp giữa tính thông tin và tính định hướng. Bên cạnh việc cung cấp các dữ kiện cụ thể bài viết thường sử dụng các yếu tố đánh giá giàu sắc thái biểu cảm, giàu hình ảnh và gắn với giá trị cộng đồng. Đặc điểm nổi bật là giọng điệu lạc quan, xây dựng, nhấn mạnh sự phát triển bền vững, tinh thần đồng thuận xã hội và sự tự hào về văn hóa, con người Đà Nẵng. Điều này tạo nên một phong cách báo chí vừa phản ánh hiện thực vừa truyền tải niềm tin, kì vọng và định hướng tích cực đến với công chúng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Cao Xuân Hạo (1998), *Tiếng Việt - Máy vấn đề ngữ âm, ngữ pháp, ngữ nghĩa*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
2. Cao Xuân Hạo (2005), *Sơ thảo ngữ pháp chức năng*, Nxb KHXH, Hà Nội.
3. Diệp Quang Ban (2008), *Giao tiếp diễn ngôn, Cấu tạo văn bản*, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam.
4. Diệp Quang Ban (1996), *Ngữ pháp tiếng Việt*, Nxb Giáo dục Việt Nam.
5. Dương Xuân Sơn (2014), *Các loại hình báo chí truyền thông*, Nxb Thông tin và Truyền thông.

6. Đỗ Hữu Châu (1981), *Từ vựng - ngữ nghĩa tiếng Việt*, Nxb Giáo dục Hà Nội.
7. Đỗ Thị Xuân Dung (2021), *Ứng dụng lý thuyết ngữ pháp chức năng hệ thống trong phân tích diễn ngôn khẩu hiệu chính trị-xã hội*, Ngôn ngữ học và Việt ngữ học.
8. Lê Thị Lan Anh (2014), *Câu quan hệ tiếng Việt dưới góc nhìn của Ngữ pháp chức năng hệ thống*, Nxb Khoa học xã hội.
9. Nguyễn Thiện Giáp (2012), *Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ*, Nxb Giáo dục Việt Nam.
10. Nguyễn Thiện Giáp (1996), *Từ và nhận diện từ tiếng Việt*, Nxb Giáo dục Hà Nội.
11. Nguyễn Văn Hiệp (2012), *Cơ sở ngữ nghĩa phân tích cú pháp*, Nxb Giáo dục Việt Nam.
12. Trần Văn Sáng (2004), *Tìm hiểu mối quan hệ giữa ngôn ngữ với tín hiệu thẩm mỹ trong tác phẩm văn học*, TC Ngôn ngữ & Đời Sống; Số: số 12 (110).
13. Trung tâm Báo chí - Truyền hình Đà Nẵng, số 525 Trần Hưng Đạo, Phường Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng. <https://baodanang.vn/>.
14. Vũ Quang Hào (2012), *Ngôn ngữ báo chí*. Nxb Thông tấn.

Tiếng Anh

15. Martin, J.R., Positive Discourse Analysis: Solidarity and Change, *Revista Canaria de Estudios Ingleses*, 49, pp. 179–202, 2004.
16. Martin, J. R. & Rose, D., *Working with discourse. Meaning beyond the clause* Ed.. London: Continuum, 2003.
17. Martin, J. R. and White, P. R. R., *The Language of Evaluation: Appraisal in English*, Palgrave, London, 2005.

Linguistic characteristics of evaluative language in commentary articles in Da Nang print newspapers: the attitude aspect

Abstract: Using an approach grounded in Appraisal Theory, this paper employs statistical, classificatory, and analytical methods to examine evaluative language based on the appraisal subsystem of attitude. The findings indicate that evaluative meanings are realized through various linguistic units, including words, phrases, grammatical structures, sentences, and larger textual segments. The study reveals that the journalistic language of commentary articles in Da Nang print newspapers is characterized by formality and standardization, while also expressing empathy and both positive and negative attitudinal stances toward issues concerning Da Nang city, its people, and local social matters.

Key words: Linguistics; evaluative language; evaluative meaning; attitudinal appraisal; journalistic commentary.